

Số: 235/BC-HĐND

Cà Mau, ngày 29 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách
trình Kỳ họp thứ 7 HĐND tỉnh khóa X

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (Ban Kinh tế - Ngân sách) theo lĩnh vực phụ trách và sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách tổ chức Hội nghị thẩm tra 04 hồ sơ dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp thứ 7 (chuyên đề). Trên cơ sở hồ sơ trình của UBND tỉnh và ý kiến tham gia thẩm tra của đại biểu tại Hội nghị, Ban Kinh tế - Ngân sách xin báo cáo tổng hợp kết quả thẩm tra đến Thường trực và đại biểu HĐND tỉnh, như sau:

1. Về sự cần thiết và thẩm quyền

Qua thẩm tra, các văn bản trình Kỳ họp được xây dựng **đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh** và cần thiết ban hành, nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các văn bản quy phạm pháp luật xây dựng đảm bảo trình tự thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung phù hợp với tình hình điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hợp Hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật.

2. Quan điểm của Ban Kinh tế - Ngân sách về nội dung thẩm tra

(1) Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Trên cơ sở thảo luận của đại biểu và báo cáo giải trình, làm rõ của lãnh đạo Sở Tài chính, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với những ý kiến đóng góp của đại biểu và cho rằng dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm cụ thể hóa quy định của Trung ương **là cần thiết và thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh¹**.

Sau sáp nhập, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau đang triển khai trên 15 chương trình tín dụng chính sách theo các Nghị định của Chính phủ và

¹ Tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 quy định: **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể và bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách này.** Tại khoản 1, khoản 3 và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: **Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác và xử lý nợ rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương.**

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ². Đến ngày 31/10/2025, tổng nguồn vốn tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh **đạt 8.315.000 triệu đồng**; trong đó, **nguồn vốn nhận ủy thác của ngân sách địa phương chỉ đạt 751.200 triệu đồng (chiếm 09% tổng nguồn vốn)**, với 229.977 khách hàng vay vốn đang còn dư nợ. Tuy nhiên, qua báo cáo của ngành chức năng, do nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương hàng năm còn hạn chế và nguồn vốn phân bổ của Trung ương không nhiều, nên một số đối tượng có nhu cầu vay nhưng chưa tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi này.

Để đảm bảo theo quy định của Trung ương bố trí tối thiểu 15% nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030, ngày 09/12/2025 HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 44/NQ-HĐND thống nhất bố trí ngân sách địa phương cho giai đoạn này là 1.811.000 triệu đồng (*Năm 2025 là 246.000 triệu đồng, năm 2026 là 247.000 triệu đồng, năm 2027 là 277.000 triệu đồng, năm 2028 là 310.000 triệu đồng, năm 2029 là 344.000 triệu đồng, năm 2030 là 387.000 triệu đồng*).

Qua Hội nghị thẩm tra, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan trình đã tiếp thu, hoàn chỉnh theo các ý kiến đóng góp của đại biểu về Tờ trình và nội dung dự thảo Nghị quyết. Ban Kinh tế - Ngân sách trình HĐND tỉnh theo quy định, như sau:

(1) Hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo. Mức cho vay tối đa 100 triệu đồng/hộ. Thời hạn cho vay tối đa 10 năm. Lãi suất cho vay: Hộ nghèo bằng 4,8%/năm; hộ cận nghèo bằng 5,76%/năm; hộ mới thoát nghèo bằng 6%/năm (***thấp hơn mức lãi suất quy định hiện hành của Chính phủ***).

(2) Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Cà Mau có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc các đối tượng sau: Người lao động là bộ đội, công an phục viên, xuất ngũ và người lao động thuộc hộ có hoàn cảnh khó khăn. Mức cho vay không vượt quá 200 triệu đồng/lao động. Thời hạn cho vay không quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động được ghi trong hợp đồng. Lãi suất cho vay bằng 6,24%/năm.

(3) Hộ gia đình cư trú hợp pháp tại các phường chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa. Mức cho vay tối đa là 25 triệu đồng/01 loại công trình/khách hàng. Thời hạn cho vay tối đa là 05 năm. Lãi suất cho vay bằng 7,5%/năm.

(4) Cán bộ, công chức, viên chức, công nhân trong cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm. Mức cho vay tối đa là 200 triệu đồng/người lao động. Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm. Lãi suất cho vay bằng 7,92%/năm.

² Trong đó, bao gồm chính sách hỗ trợ, cho vay đối với các hộ Làng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau và đối tượng xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau do HĐND tỉnh Cà Mau (trước sáp nhập) quyết nghị thông qua tại Nghị quyết số 21/20/19/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu giai đoạn 2021 – 2025 được HĐND tỉnh Bạc Liêu (trước sáp nhập) quyết nghị thông qua tại Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020.

(5) Về xử lý rủi ro: Thống nhất giao UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Do có thay đổi nội dung dự thảo nghị quyết so với trước đó, theo quy định phải trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến. Hiện nay, UBND tỉnh đang trình Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo, trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

(2) Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 việc miễn tiền thuê đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh; khoản 15 Điều 38, khoản 3 Điều 39 và khoản 7 Điều 48 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất³. Nhằm cụ thể hóa quy định này,

³ “Điều 157 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp sử dụng đất xây dựng nhà ở thương mại, sử dụng đất thương mại, dịch vụ;”

“3. Miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với trường hợp sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, cụ thể như sau:

a) Miễn 03 (ba) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

b) Miễn 07 (bảy) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Miễn 11 (mười một) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sản xuất, kinh doanh đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

d) Miễn 15 (mười lăm) năm đối với dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án sản xuất, kinh doanh thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đối với đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành khai thác sử dụng công trình ngầm.

e) Miễn toàn bộ thời gian thuê đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thực hiện các dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

g) Miễn tiền thuê đất đối với các dự án quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định này theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.”

“15. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận.

Chế độ ưu đãi được quy định theo nguyên tắc: mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê, mức tối thiểu bằng mức ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này. Người sử dụng đất không được tính tiền thuê đất được miễn vào giá thành sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho xã hội.”

“7. Có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định này.”.

việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã nghiên cứu đề xuất việc quy định ưu đãi miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất nhằm tăng sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư nhằm mục tiêu thu hút mạnh mẽ nhà đầu tư đến thực hiện dự án tạo được thị trường lao động tại chỗ; đồng thời, góp phần tháo gỡ khó khăn của tỉnh về nguồn lực đầu tư trong đó có các dự án thuộc lĩnh vực môi trường, đào tạo - dạy nghề,... và nội dung này được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại văn bản số 274-TB/TU ngày 25 tháng 12 năm 2025. Dự thảo Nghị quyết đảm bảo cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền và phù hợp với thực tế địa phương.

(3) Dự thảo Nghị quyết bổ sung Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất sửa đổi, bổ sung Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQHĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau, gồm: 06 khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai⁴.

Danh mục khu đất này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo ngành chức năng phối hợp với các địa phương rà soát, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, đã xin ý kiến và được Thường trực Tỉnh ủy thống nhất tại Thông báo số 133-TB/TU ngày 21 tháng 11 năm 2025 về đề xuất các khu đất mời gọi đầu tư lĩnh vực giáo dục, y tế; đồng thời, tại hội nghị thẩm tra, Sở Tài chính đã cung cấp thông tin và thực hiện song song việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định trước khi tổ chức thực hiện.

Nội dung dự thảo nghị quyết cơ bản phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo cơ sở pháp lý; hồ sơ, thủ tục đầy đủ, đủ điều kiện trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Các nội dung góp ý được cơ quan soạn thảo tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung trình kỳ họp.

⁴ Khu đất Trường Đại học Tôn Đức Thắng và Trung tâm Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo - Sở Khoa học và Công nghệ (thu hút dự án trường liên cấp; trường nghề) với diện tích 3,92 ha tại phường An Xuyên. Khu Ký túc xá Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc thuộc Khu đất Khối nhà thực hành - Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc (thu hút dự án bệnh viện đa khoa chất lượng cao) với diện tích 4,12 ha tại phường An Xuyên. Khu đất Khối nhà thực hành - Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc (thu hút dự án viện dưỡng lão, trung tâm nghỉ dưỡng người cao tuổi) với diện tích 2,14 ha tại phường An Xuyên. Khu đất Trường Cao đẳng Cộng đồng Cà Mau (thu hút dự án trường đại học, cao đẳng, cao đẳng nghề) với diện tích 4,82 ha tại phường An Xuyên. Khu đất Trường Tiểu học Lê Thị Riêng (thu hút dự án trường phổ thông liên cấp) với diện tích 0,92 ha tại phường Bạc Liêu. Khu đất Viện dưỡng lão (khu đất dự án Bệnh viện quốc tế Phương Đông cũ) (thu hút dự án trung tâm điều dưỡng - phục hồi chức năng kết hợp du lịch nghỉ dưỡng) với diện tích 8,35 ha tại phường Hiệp Thành.

(4) Nghị quyết về điều chỉnh thông tin dự án được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2025; bổ sung danh mục và bố trí Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (vốn ngân sách tỉnh quản lý)

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm của tỉnh đã bố trí cơ bản đủ theo nhu cầu và tiến độ thực hiện các dự án, công trình thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm. Thời gian qua, với tinh thần trách nhiệm và quyết tâm thực hiện đạt hiệu quả các nguồn vốn đầu tư công, giải ngân kịp thời các dự án, công trình theo tiến độ. Trong quá trình triển khai thực hiện, trong tổng số các dự án được giao kế hoạch vốn tại Nghị quyết nêu trên, có 10 dự án được bố trí vốn chuẩn bị đầu tư có tên dự án chưa đồng bộ với tên dự án khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, nên chưa đủ điều kiện để giải ngân theo quy định. Do đó, xét thấy để việc điều chỉnh thông tin dự án tạo điều kiện tháo gỡ làm cơ sở giải ngân Kế hoạch đầu tư công năm 2025.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2026, UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hoàn thành hồ sơ, thủ tục các dự án để đề xuất phân bổ vốn đầu tư. Theo đó, đến nay, có 26 nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện phân bổ vốn chi tiết theo quy định, với kế hoạch vốn 310.700 triệu đồng, từ nguồn thu sử dụng đất và nguồn vốn xổ số kiến thiết chưa phân bổ chi tiết theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND; trong đó, 04 dự án được bố trí vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất, với kế hoạch vốn 19.531 triệu đồng, 22 dự án (trong đó có 08 dự án chuyển tiếp, 09 dự án chuẩn bị đầu tư và 05 nhiệm vụ, dự án khởi công mới) được bố trí vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết, với kế hoạch vốn 291.169 triệu đồng/1.271.445 triệu đồng.

Qua thẩm tra cho thấy, các dự án điều chỉnh, bổ sung vào danh mục Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025; năm 2025 và năm 2026 là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo đúng quy định Luật Đầu tư công, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân và sử dụng vốn đầu tư công, đã phân bổ đạt hiệu quả, tiến độ. Nội dung chi “Các dự án sẽ phân bổ chi tiết vốn đầu tư trong thời gian tới sau khi đủ điều kiện theo quy định” chưa được HĐND tỉnh phân bổ chi tiết tại Kế hoạch đầu tư công năm 2026, được UBND tỉnh đề xuất phân bổ chi tiết tại kỳ họp này, để bố trí cho các dự án đủ điều kiện phân bổ vốn chi tiết theo quy định. Đồng thời, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với đề xuất của UBND tỉnh về gia hạn thời gian bố trí vốn đến năm 2026 đối với 04 dự án được bố trí vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất, với kế hoạch vốn 19.531 triệu đồng, do đang vướng mặt bằng, nên cần gia hạn thời gian bố trí vốn đến năm 2026, để hoàn thành dự án; việc gia hạn thời gian bố trí vốn đảm bảo đúng theo quy định pháp luật về đầu tư công (trong đó có báo cáo kiểm điểm của chủ đầu tư).

Nhìn chung, qua thẩm tra thấy các dự án đều có chủ trương phê duyệt của cấp có thẩm quyền; đồng thời, qua xem xét những dự án, công trình này tương đối bức xúc, nội dung chi rất cấp thiết để triển khai thực hiện nhiệm vụ, phục vụ công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với đề xuất của UBND tỉnh điều chỉnh thông tin dự án được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2025; bổ sung danh mục và bố trí Kế hoạch đầu tư công

năm 2026 (vốn ngân sách tỉnh quản lý). Cụ thể như sau:

(1) Điều chỉnh thông tin tên 10 dự án được giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025.

(2) Bổ sung 04 dự án, với kế hoạch vốn 19.531 triệu đồng, từ nguồn thu tiền sử dụng đất. Đồng thời, gia hạn thời gian bố trí vốn đến năm 2026 cho các dự án trên.

(3) Bổ sung 22 dự án, với kế hoạch vốn 291.169 triệu đồng/1.271.445 triệu đồng, từ nguồn thu xổ số kiến thiết.

Nhìn chung: Qua thẩm tra, các ý kiến góp ý đã được cơ quan soạn thảo nghiên cứu tiếp thu, bổ sung điều chỉnh hoàn thiện hồ sơ trình Kỳ họp.

Trên đây là một số nội dung qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo đến quý vị đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thành viên Ban KT-NS;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, LT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Vũ Hồng Như Yến